

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BVICO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BVICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BVICO GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BVICO., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109878730

3. Ngày thành lập: 10/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

CH1906, tầng 19 tòa nhà FLC Green, số 18A Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986 31 22 55

Fax:

Email: info.bvico@gmail.com

Website: bvico.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chông ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4511
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng) Chi tiết: - Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L...); - Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
13.	Trồng cây ăn quả	0121
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
15.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm	0129
16.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
17.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
18.	Khai thác và thu gom than non	0520
19.	Khai thác quặng sắt	0710
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại) - Ủy thác mua bán hàng hóa (Mục 3 Luật thương mại 2005)	8299
21.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.	6619
22.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản số: 12/VBHN-VPQH)	6810

23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 71 Luật kinh doanh bất động sản số: 12/VBHN-VPQH) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản số: 12/VBHN-VPQH) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản số: 12/VBHN-VPQH) - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản số: 12/VBHN-VPQH)	6820
24.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020

25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Khoản 7, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018); - Thiết kế xây dựng công trình (Khoản 28, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018); - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp; Thiết kế cơ – điện công trình; Thiết kế cấp – thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Khoản 8, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018) - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình (Khoản 6, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018) - Lập quy hoạch xây dựng (Khoản 27, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018); - Giám sát thi công xây dựng (Khoản 33, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018); - Kiểm định xây dựng (Khoản 34, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018) - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình (Khoản 9, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018) - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014); - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (Điều 20 Luật bảo vệ môi trường) - Tư vấn quản lý dự án (Khoản 30, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018) - Tư vấn đánh giá dự án đầu tư (Điều 7 Nghị định 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009); - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Điều 5 Nghị định 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016) - Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Khoản 8 điều 4 Luật đấu thầu 2013)	7110
-----	---	------

26.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; - Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;	7120
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra)	7320
28.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
29.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ khác	7490
30.	Bán buôn tổng hợp	4690
31.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng bô xít, đồng, chì, niken	0722
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
33.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
34.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
35.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
36.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
38.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
39.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện	2599
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
43.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
44.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
45.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
46.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
47.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821(Chính)
49.	Tái chế phế liệu	3830

50.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
57.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHÙNG THANH OAI	Tổ dân phố số 8, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.180.000	11.800.000.000	59,000	001084037233	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.180.000	11.800.000.000	59,000		

2	LÊ VĂN THI	Tổ dân phố số 8, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	440.000	4.400.000.000	22,000	024083013710
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	440.000	4.400.000.000	22,000	
3	PHẠM THANH DẠ QUỲNH	Tổ dân phố số 8, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	380.000	3.800.000.000	19,000	031191008538
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	380.000	3.800.000.000	19,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG THANH OAI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 31/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084037233

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Thôn Tuấn Xuyên, Xã Vạn Thắng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ dân phố số 8, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội